

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính năm 2022**  
**và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ; UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

**1. Ban hành văn bản triển khai**

Ngày 30/12/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2357/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch CCHC năm 2022, với chủ đề: “*Nâng cao trách nhiệm, văn hóa ứng xử, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số*”, đến nay tỉnh Đắk Nông đã tổ chức thực hiện 100% các nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra, các nhiệm vụ trên cơ bản triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm theo quy định.

Tỉnh ủy Đắk Nông đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh sẽ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành để đẩy mạnh việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để cải thiện, nâng cao các Chỉ số: Chỉ số CCHC (Par Index), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI).

Năm 2022, UBND tỉnh Đắk Nông đã tổ chức Hội nghị đánh giá công tác, Chỉ số CCHC năm 2021; trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 27/7/2022 về việc cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC năm 2022.

**2. Công tác kiểm tra CCHC**

Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-ĐKT ngày 04/4/2022 của Đoàn kiểm tra liên ngành về việc công tác CCHC năm 2022, Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm

tra tại 07 Sở, Ban, ngành<sup>1</sup> và 03 đơn vị hành chính cấp huyện<sup>2</sup> (38% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra).

Triển khai thực hiện Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thành lập Tổ kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh, trong đó, UBND tỉnh Đắk Nông đã chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện 19 cuộc kiểm tra công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

### **3. Công tác tuyên truyền CCHC**

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC năm 2022 của tỉnh, theo đó, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã thực hiện phát sóng 46 chuyên mục, tin bài về CCHC. Báo Đắk Nông định kỳ hàng tháng phát hành các tin, bài về công tác CCHC với 12 bản tin. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phối hợp với các cơ quan truyền thông thực hiện tuyên truyền công tác CCHC, đăng tải các tin, bài trên Cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử.

Ngoài ra, tỉnh Đắk Nông đã triển khai thực hiện tuyên truyền qua nhiều hình thức khác như: Tổ chức Cuộc thi tìm hiểu công tác CCHC cho Đoàn viên, thanh niên Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh với chủ đề "Thanh niên đổi mới, sáng tạo trong CCHC"; tổ chức tập huấn, phổ biến các văn bản CCHC cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; phát hành Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ công tác CCHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; xây dựng cụm pano. Trung tâm Phục vụ hành chính công đăng tải thông tin tuyên truyền trên Cổng Zalo, trao đổi trực tiếp qua tin nhắn trên Zalo, số người quan tâm Cổng dịch vụ công trên Zalo đạt 76.600 lượt...

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

Nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật địa phương, UBND tỉnh Đắk Nông đã chỉ đạo kịp thời, chủ động, quyết liệt trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Trong năm 2022, HĐND tỉnh Đắk Nông đã ban hành 08 Nghị quyết QPPL, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành 46 Quyết định QPPL. 100% văn bản QPPL ban hành được thẩm định, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, thống nhất với văn bản Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Sở Tư pháp đã thẩm định 76 dự thảo văn bản QPPL cấp tỉnh; góp ý, cho ý kiến gần 300 văn bản của Trung ương; qua công tác thẩm định, góp ý đã kiểm soát về nội dung và trình tự, thủ tục, hạn chế tối đa sai sót trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

<sup>1</sup> Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nội vụ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Xây dựng; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

<sup>2</sup> Huyện Đắk Glong; Tuy Đức; Krông Nô.



Bên cạnh đó, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 về danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022. Triển khai các hoạt động trong lĩnh vực Trợ giúp pháp lý<sup>3</sup>, cử Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh tham gia các hoạt động tổ tụng.

b) Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai và tổ chức thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính<sup>4</sup>; Năm 2022, tỉnh Đắk nông đã tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 tại 05 đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Tuy Đức, UBND thành phố Gia Nghĩa, UBND phường Nghĩa Trung và UBND xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa. Tiến hành 03 đợt kiểm tra, 02 đợt thanh tra, thanh tra đột xuất tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 tổ chức hành nghề công chứng số tiền xử phạt là 20.000.000 đồng. Ngoài ra, phối hợp với Thanh tra Bộ Tư pháp thanh tra 04 cuộc tại các tổ chức hành nghề công chứng. Qua thanh tra, kiểm tra đã yêu cầu các đơn vị khắc phục những tồn tại, hạn chế, đồng thời, chấn chỉnh tình hình hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức 01 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật năm 2022; 01 Hội nghị phổ biến các Luật mới ban hành. Triển khai điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

c) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Ban hành Kế hoạch số 439/KH-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai, thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

<sup>3</sup> Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 10/02/2022 triển khai công tác trợ giúp pháp lý năm 2022; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 25/01/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính năm 2022; Kế hoạch số 453/KH-UBND ngày 08/8/2022 triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý đối với người cao tuổi, người cao tuổi có khó khăn về tài chính giai đoạn 2022 - 2030.

<sup>4</sup> Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 19/01/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022; Công văn số 756/UBND-NC ngày 22/02/2022 triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2022; Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 422/KH-UBND ngày 21/7/2022 Tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật; Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021; Báo cáo số 621/BC-UBND ngày 26/10/2022 tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.



2022. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị đã ban hành Kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện.

#### d) Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 10/01/2022 về việc kiểm tra, rà soát và cập nhật văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh năm 2022; tự kiểm tra 46 Quyết định QPPL do UBND tỉnh ban hành, qua đó, đảm bảo 100% văn bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định và bảo đảm có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Thực hiện rà soát và hệ thống hóa các văn bản QPPL, đã công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2021 (25 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 03 văn bản hết hiệu lực một phần; 03 văn bản hết hiệu lực toàn bộ trước ngày 01/01/2021). Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xử lý văn bản QPPL không còn phù hợp với pháp luật hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương (64 văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế và 32 văn bản cần bãi bỏ).

Các Sở, Ban, ngành, địa phương đã tiến hành rà soát văn bản có liên quan của địa phương sau khi Trung ương ban hành văn bản, chính sách mới; rà soát văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực tại các lĩnh vực: Đầu tư, giao thông vận tải, nội vụ, y tế, khoa học công nghệ, xây dựng, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp và phát triển nông thôn. Qua đó, đảm bảo hệ thống văn bản địa phương được rà soát thường xuyên, kịp thời xử lý nhằm bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các văn bản của Trung ương.

## 2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

### a) Công tác kiểm soát TTHC

Ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai hoạt động kiểm soát TTHC<sup>5</sup>. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên rà soát, đẩy mạnh đơn giản hoá TTHC và đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy trình nội bộ không cần thiết, cắt giảm thời gian giải quyết, bảo đảm công tác kiểm soát TTHC và tình hình giải quyết hồ sơ TTHC được liên tục, hiệu quả tại các lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, xây dựng...

### b) Tình hình công bố, công khai TTHC

UBND tỉnh Đắk Nông đã cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời 100% các TTHC do các Bộ, ngành Trung ương sau khi công bố, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa

<sup>5</sup> Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022; Công văn số 288/UBND-NCKSTT ngày 17/1/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh về việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 178/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 06/4/2022 về việc triển khai hóa đơn điện tử; Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh về việc quy định việc cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông; Công văn số 1948/UBND-NC ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh về việc nâng cao trách nhiệm trong công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC.



phương niêm yết công khai TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp và trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử đơn vị. Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã áp dụng Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả TTHC. Việc công khai hồ sơ, thủ tục, quy trình giải quyết, thời hạn trả kết quả, phí, lệ phí thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện<sup>6</sup>. Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát quá trình giải quyết hồ sơ TTHC của cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đến nay, 100% TTHC do các Bộ, ngành công bố được chuẩn hóa và công khai trên Cổng dịch vụ công tỉnh tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức dễ khai thác sử dụng.

Năm 2022, tỉnh Đắk Nông đã tổ chức 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát TTHC và 01 lớp nghiệp vụ cho CBCC làm việc tại Bộ phận Một cửa.

- Tình hình giải quyết TTHC năm 2022: Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã: *(Có Phụ lục kèm theo)*.

Trong đó tính đến ngày 15/12/2022, Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận 68.340 hồ sơ, trong đó: 53.346 hồ sơ trực tuyến (*chiếm 78,06 %*), hồ sơ nhận qua dịch vụ Bưu chính công ích và Bưu chính khác 2.215 hồ sơ (*chiếm 3,24 %*). Đã giải quyết và trả kết quả 63.719 hồ sơ, trong đó: Trả qua dịch vụ Bưu chính công ích 12.410 kết quả (*chiếm 19,48%*), trước hạn: 30.263 hồ sơ (*chiếm 47,49%*), đúng hạn 33.240 hồ sơ (*chiếm 52,17%*), quá hạn: 216 hồ sơ (*chiếm 0,34%*), nguyên nhân hồ sơ quá hạn chủ yếu do chờ xác minh của các đơn vị có liên quan đối với các vụ việc phức tạp; có 3.931 hồ sơ trả lại (*chiếm 5,69 %*, chủ yếu lĩnh vực Bảo hiểm xã hội), các hồ sơ trả lại chủ yếu là do không đủ điều kiện giải quyết, nhất là các hồ sơ liên quan tới lĩnh vực đầu tư, đất đai, điện, xây dựng....

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC đối với lĩnh vực đất đai, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Trung tâm Phục vụ hành chính công đã hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện TTHC cho 16.260 lượt tổ chức, cá nhân, trong đó: 6.195 lượt hướng dẫn trực tiếp tại Trung tâm, 5.942 lượt gọi đi và 4.123 lượt trả lời cuộc gọi đến.

<sup>6</sup> Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh. Ban hành các văn bản chỉ đạo rà soát, hoàn thiện quy trình giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công tỉnh cụ thể: Công văn số 288/UBND-NCKSTT ngày 17/1/2022 về việc triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; Công văn số 1948/UBND-NC ngày 19/4/2022 về việc nâng cao trách nhiệm trong công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC...



### 3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

#### a) Về tổ chức bộ máy

Đối với các tổ chức hành chính: Triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành văn bản triển khai theo quy định, đến nay 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Chương trình số 30-CTr/TU ngày 22/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh, trong năm 2022, UBND tỉnh đã tổ chức lại 05 đơn vị sự nghiệp công lập<sup>7</sup>; chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục tham mưu UBND tỉnh tổ chức sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Năm 2022, toàn tỉnh Đắk Nông có 438 đơn vị sự nghiệp (giảm 12 đơn vị so với năm 2021).

Ngoài ra trong năm 2022, tỉnh Đắk Nông đã thành lập 06 tổ chức phối hợp liên ngành; phê duyệt Điều lệ về hoạt động của 05 tổ chức Quỹ; kiện toàn thành viên 08 tổ chức phối hợp liên ngành.

#### b) Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện<sup>8</sup>. Năm 2022, trong các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh có: 1.921 biên chế công chức và 158 hợp đồng lao động; tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh và biên chế trong các Hội có tính chất đặc thù tỉnh năm 2022 là 13.045 người (năm 2021 là 13.284 người). Trong năm, tỉnh Đắk Nông đã thực hiện tinh giản biên chế đối với 10 trường hợp khối công chức; 28 trường hợp khối viên chức.

Hiện nay, 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đảm bảo thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo về cấp phó của người đứng đầu

<sup>7</sup> Hợp nhất Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ban quản lý dự án dân dụng, công nghiệp và giao thông; Tổ chức lại Trung tâm Xúc tiến đầu tư từ trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư về trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh và đổi tên thành Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp; sáp nhập Trung tâm Giống thủy sản vào Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

<sup>8</sup> Quyết định đánh giá, xếp loại Người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, Kiểm soát viên và Người đại diện phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh năm 2021; Đề án "Sắp xếp lại mô hình hoạt động và kiện toàn nhân sự lãnh đạo, quản lý tại các Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh"; Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh.



thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng ban, chi cục thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy...

Đội ngũ cán bộ, công chức (CBCC) cấp xã trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo các quy định của Đảng, nhà nước và các tiêu chuẩn do các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quy định theo từng chức danh cụ thể. Có 723/723 cán bộ cấp xã đạt chuẩn (đạt 100%), 721/721 công chức cấp xã đạt chuẩn (đạt 100%).

#### c) Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước

UBND tỉnh Đắk Nông đã triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Trong năm, tỉnh Đắk Nông đã lồng ghép kiểm tra tình hình thực hiện phân cấp quản lý của các cơ quan, đơn vị trong Kế hoạch kiểm tra liên ngành CCHC của tỉnh năm 2022. Qua kiểm tra các cơ quan, đơn vị cơ bản làm tốt các nội dung về công tác phân cấp, phân quyền.

### 4. Cải cách chế độ công vụ

#### a) Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức (CCVC)

Đến nay, có 8/8 đơn vị hành chính cấp huyện và 18/18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và 82/82 đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt khung năng lực vị trí việc làm theo quy định (đạt 100%).

#### b) Công tác tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức

Tổ chức kỳ thi tuyển công chức năm 2021; ban hành Quyết định tuyển dụng công chức đối với các thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức tỉnh Đắk Nông đối với 69 trường hợp; việc tổ chức tuyển dụng công chức theo đúng quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với 03 trường hợp; các cơ quan, đơn vị đã tổ chức tuyển dụng các viên chức thuộc các ngành đối với 70 trường hợp đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

Tổ chức thi nâng ngạch, thăng hạng năm 2022<sup>9</sup>, kết quả đã bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp đối với 226 trường hợp, việc tổ chức thi nâng ngạch, thăng hạng theo đúng quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công

<sup>9</sup> Ngày 23/6/2022, UBND tỉnh ban hành Đề án số 3447/ĐA-UBND về việc thi nâng ngạch, thăng hạng đối với CCVC, người làm công tác Hội trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước và các Hội có tính chất đặc thù năm 2022 của tỉnh.



chức và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

c) **Bổ nhiệm vị trí lãnh đạo trong các cơ quan hành chính nhà nước**

Trong năm 2022, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành 21 Quyết định điều động, bổ nhiệm, 14 Quyết định bổ nhiệm lại. Các Sở, Ban, ngành đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 49 lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở và tương đương; thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 23 lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND các huyện, thành phố. Việc bổ nhiệm đảm bảo thực hiện đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.

d) **Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC:**

UBND tỉnh ban hành các văn bản thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh<sup>10</sup>. Tỉnh Đắk Nông đã hoàn thành 100% Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2022.

Ngoài ra, ban hành các Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ<sup>11</sup>.

đ) **Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC.**

Nhằm tăng cường chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 quy định quy tắc ứng xử, văn hóa, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Nhìn chung, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh cơ bản thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương, không có trường hợp vi phạm, sai phạm dẫn đến phải thi hành các mức kỷ luật.

## **5. Cải cách tài chính công**

a) **Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công**

Thực hiện Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài sản công, UBND tỉnh Đắk Nông thường xuyên chỉ đạo nâng cao hiệu quả lập dự toán ngân sách nhà nước tỉnh; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán, phân bổ ngân sách nhà nước đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, giải ngân đúng tiến độ. Ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách

<sup>10</sup> Kế hoạch 915/KH-UBND ngày 31/12/2020 về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh năm 2022; Kế hoạch số 598/KH-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về việc bồi dưỡng Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, buôn, bon và tổ dân phố theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh năm 2022; Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh.

<sup>11</sup> Quyết định cử 23 CBCCVC tham gia khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương năm 2022, cử 02 CBCC tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện; cử 09 CBCC tham gia bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên cao cấp; cử 09 công chức tham gia lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên chính; cử 04 viên chức ngành y tế tham gia đào tạo Chuyên khoa I; cử 13 viên chức ngành Y tế đi đào tạo sau đại học; cử 05 công chức tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên chính thuộc Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông.



của địa phương trong quản lý, sử dụng tài chính công bảo đảm theo quy định về quản lý tài chính - ngân sách và thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

Trong năm 2022, không có báo cáo hay phản ánh nào của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán chỉ ra các sai phạm tại các cơ quan quản lý hành chính tại địa phương.

#### b) Tình hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Nhìn chung, các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) đã thực hiện nghiêm túc Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL: Tổng số đơn vị SNCL tại tỉnh hiện nay là 412 đơn vị; trong đó, có 16 đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; 32 đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Hiện nay, 100% các Sở, Ban, ngành, địa phương đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị dựa trên các tiêu chuẩn, định mức và theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản triển khai do Chính phủ quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL: Các đơn vị được giao quyền tự chủ đã ban hành Quy chế chi tiêu hợp với tình hình của đơn vị; thường xuyên quán triệt thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; không để xảy ra sai phạm trong việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm. Trong năm, không có báo cáo hay phản ánh sai phạm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

Trong năm 2022, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành 39 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về Chuyển đổi số, gồm: 03 văn bản QPPL; 20 Quyết định, 15 Kế hoạch, 01 Chỉ thị<sup>12</sup>. Ngày 01/11 hàng năm là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh), Kế hoạch số 531/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

#### a) Các hệ thống nền tảng, phát triển dữ liệu

<sup>12</sup> Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh; Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh; Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống giao ban trực tuyến tỉnh; Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống giao ban trực tuyến tỉnh; Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về Kế hoạch chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh; Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 ban hành mã định danh của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND tỉnh phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương; Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về việc phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh, phiên bản 1.0; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thí điểm chuyển đổi số cấp sở, cấp huyện, cấp xã; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 11/01/2022 về việc khẩn trương nâng cao chỉ số Chính quyền số năm 2022 và những năm tiếp theo.



Tỉnh Đắk Nông đã hoàn thành việc xây dựng Nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP) và Kho dữ liệu dùng chung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 2.0. Đồng thời, đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý với 08 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành<sup>13</sup> đã được đưa vào sử dụng chính thức. Trong các hệ thống này, tỉnh Đắk Nông đã kết nối, khai thác chính thức các dịch vụ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến. Hiện tại, đang tiến hành kết nối với hệ thống hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp.

#### b) Việc giải quyết hồ sơ trên môi trường mạng

Tỉnh Đắk Nông đã nâng cấp, vận hành hiệu quả các Hệ thống quản lý, điều hành văn bản của tỉnh; tình hình gửi, nhận văn bản nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền: Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh đến cấp xã để gửi nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng và đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành (cụ thể: 19/19 Sở, Ban, ngành; 08/08 UBND huyện, thành phố Gia Nghĩa; 71/71 UBND các xã, phường, thị trấn và 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc).

#### c) Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Đến nay, 98% CBCCVN được trang bị máy vi tính làm việc. 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương có kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao; 100% đơn vị khối Đảng, chính quyền đã kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

UBND tỉnh Đắk Nông đã chỉ đạo Viễn thông Đắk Nông thường xuyên nâng cấp Công dịch vụ công tỉnh, xây dựng hệ thống đánh giá kết quả giải quyết TTHC trên Công Dịch vụ công tỉnh, theo đó người dân, tổ chức có thể đánh giá về mức độ, thái độ của cơ quan, cán bộ, công chức trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ; đánh giá thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện của từng TTHC. Xây dựng và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh tại địa chỉ <https://ktxh.daknong.gov.vn>. Bên cạnh đó, thiết lập, vận hành hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên công Dịch vụ công tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử đảm bảo đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định để triển khai thực hiện.

Hiện nay, tỉnh Đắk Nông đang xây dựng Hệ thống hợp không giấy tờ của UBND tỉnh; xây dựng Kho dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của tỉnh, bảo đảm tài nguyên lưu trữ và các chức năng liên quan đến công tác số hóa hồ sơ; chia sẻ dữ liệu và khai thác sử dụng lại hồ sơ lưu trữ phục vụ công tác cung cấp dịch vụ công.

#### d) Các ứng dụng, dịch vụ

<sup>13</sup> (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an); (2) cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam); (4) cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); (5) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (6) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ tư pháp); (7) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài Chính); (8) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông)



Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (iOffice) tỉnh đã nâng cấp lên phiên bản 5.0: Tích hợp chữ ký số, chứng thư số và triển khai đồng bộ đến 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến xã và các đơn vị sự nghiệp công lập; đã kết nối với Trung ương qua trục liên thông văn bản Quốc gia cho 18/18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, 08/08 huyện, thành phố Gia Nghĩa và 71/71 xã, phường, thị trấn.

Cung cấp và thực hiện ký số: Đã triển khai cho 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã (gồm các đơn vị sự nghiệp công lập), cụ thể: 19/19 Sở, Ban, ngành; 08/08 UBND huyện, thành phố Gia Nghĩa; 71/71 UBND xã, phường, thị trấn; 352 đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay, toàn tỉnh Đắk Nông có 3.226 chứng thư số, chữ ký số được cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cán bộ, công chức, kế toán có chữ ký số, chứng thư số, trong đó: Đang hoạt động 2.758 (có 2.682 USB token, 76 sim KPI), đã thu hồi 464 và hết hiệu lực 18 chứng thư số, chữ ký số.

Dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của tỉnh đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh cung cấp 491 dịch vụ công mức độ 3 và 675 dịch vụ công mức độ 4. Đã thực hiện kết nối thành công 445 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 19/4/2022 về số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; theo đó, từ tháng 7/2022 - 7/2023 sẽ thực hiện hoàn thành số hóa, cập nhật dữ liệu tối thiểu 50% kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo Kế hoạch trên.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Năm 2022, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đắk Nông tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và triển khai nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt, sát sao trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Sau khi Bộ Nội vụ công bố Chỉ số CCHC, tỉnh Đắk Nông đã kịp thời tổ chức Hội nghị đánh giá công tác cải cách hành chính năm 2021, nhằm đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra các tồn tại hạn chế cần phải khắc phục và chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện CCHC, công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó đảm bảo đạt được hiệu quả thực chất, đúng tiến độ triển khai trong các chương trình, kế hoạch đã đề ra.

Trên cơ sở bám sát các mục tiêu, kế hoạch hàng năm, giai đoạn trong 06 lĩnh vực trọng tâm về CCHC theo Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, thiết thực, hiệu quả trong quá trình thực hiện công tác CCHC trên toàn tỉnh. Công tác tuyên truyền, phổ biến về CCHC được đẩy mạnh; đã tăng cường thực hiện điều tra, khảo sát



để nắm bắt tình hình thực tiễn trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đất đai; chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh... từ đó, đề ra các biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

UBND tỉnh đã tổ chức nhiều Hội nghị, hội thảo đề báo cáo, rút kinh nghiệm và đề ra các giải pháp trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác CCHC của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành CCHC ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sâu sát; việc giải quyết TTHC các cấp vẫn còn tình trạng trễ hẹn; tỷ lệ TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4 chưa cao; số lượng đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn về kinh phí còn ít... Nguồn lực, kinh phí cho hoạt động CCHC còn hạn hẹp, đặc biệt là nguồn lực phục vụ cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023**

1. Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác CCHC, triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Chú trọng tuyên truyền, kiểm tra, tự kiểm tra công tác CCHC, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

3. Thường xuyên rà soát, cập nhật văn bản QPPL, các quy định của pháp luật xung đột, mâu thuẫn gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước để đưa ra các giải pháp xử lý, hoàn thiện. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền, xử lý văn bản trái pháp luật đã được phát hiện; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định.

4. Tập trung rà soát, đơn giản hóa TTHC; công bố kịp thời, đầy đủ danh mục TTHC theo quy định; công khai đầy đủ danh mục các TTHC và tiến độ, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh và Website của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, ngành trong việc giải quyết TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp, liên thông giữa các cấp, các ngành. Đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC; tăng cường thực hiện thanh toán trực tuyến điện tử; thanh toán trực tuyến toàn trình.



5. Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, hội, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu tổ chức của các Sở, ban, ngành sau khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương. Tiếp tục rà soát, triển khai các Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

6. Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức để sắp xếp, bố trí đầy đủ nguồn lực cho bộ máy nhà nước các cấp đảm bảo phục vụ Nhân dân. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt; triển khai thực hiện đúng quy trình, quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý.

7. Thực hiện nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công, giải ngân vốn đầu tư công; bố trí, sử dụng hiệu quả kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức rà soát, thực hiện giảm chi trực tiếp ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách, thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện nghiêm túc kiến nghị sau kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp, nâng cao tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tăng cường phân cấp, tạo tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục thực hiện đúng quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

8. Tiếp tục duy trì, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử; triển khai hiệu quả Trung tâm Dữ liệu phục vụ chuyên đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây; đẩy mạnh thực hiện các ứng dụng dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Chỉ đạo đẩy mạnh xử lý văn bản, hồ sơ công việc hoàn toàn trên môi trường mạng; đảm bảo thực hiện hiệu quả việc gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục vận hành hiệu quả, cập nhật, thiết lập đầy đủ tính năng, đảm bảo vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, Cổng dịch vụ công tỉnh.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Kính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực để địa phương triển khai sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

2. Kính đề nghị Bộ Tài chính khi xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định về đơn vị sự nghiệp công lập, có cơ chế mở về quyền tự chủ trong việc sử dụng số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp



công lập tự đảm bảo một phần và đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên, tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp thu hút đủ nhân lực để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, tổ chức tốt hơn, đồng thời, tạo điều kiện phát triển nền kinh tế - xã hội cho địa phương nói riêng và cả nước nói chung (theo cơ chế như hiện nay thì các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần và đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên thực hiện cơ chế giống với các đơn vị hành chính nhà nước).

3. Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Tài chính và các đơn vị có liên quan có văn bản hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non, phổ thông triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, quy định cụ thể đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

4. Kính đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương xem xét, sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành công thương; Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành công thương và Thông tư quy định về tiêu chí cụ thể và hướng dẫn áp dụng các tiêu chí xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập ngành công thương.

5. Kính đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, có chính sách hỗ trợ, bảo đảm chế độ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác CCHC, kiểm soát TTHC và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp.

Trên đây là Báo cáo công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023 của tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH (Dg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Văn Mười**



**PHỤ LỤC THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: 791 /BC-UBND ngày 20 /12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

<b>Biểu 1</b>				
<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
<b>1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</b>	Văn bản	15	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	%	100%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	56	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	56	
<b>3</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	7	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100%	
3.3.1	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	1	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	1	
<b>4</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</b>			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	2	UBND huyện Đắk Song; Trường Cao đẳng cộng đồng
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100%	





<b>5</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	143	Đang thực hiện 40 (trong đó: 39 trong hạn; 01 quá hạn)
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	101	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	2	

**Biểu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
<b>II.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	54	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	46	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	351	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	96	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	14	

**Biểu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
<b>III.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	50	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	89	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	337	



1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.909	
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.599	
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	196	
1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	114	
<b>2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	87	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	90	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,73%	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	77.251	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	77.046	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,34%	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	138.989	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	133.902	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,90%	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	196.309	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	194.148	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	106	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	106	

**Biểu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
<b>IV.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>			
<b>1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	5	



1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	438	
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	3	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	79	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	356	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	12%	
<b>2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.921	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.903	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	10	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12%	
<b>2</b>	<b>Số liệu về biên chế viên chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	13.045	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	12.779	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	28	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12%	

**Biểu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
<b>V.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	18	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	82	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	72	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	70	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	



**Biểu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
<b>VI.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	70,5%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Tỷ đồng	2.584.631	
1.2.	Đã thực hiện	Tỷ đồng	1.822.792	
<b>2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	412	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	16	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	32	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	364	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo)	Đơn vị	0	

**Biểu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
<b>VII.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số</b>			
<b>1</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
<b>2</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</b>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc</b>	%	100%	
<b>4</b>	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
<b>5</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			



5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên	%	91,3%	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	62%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
<b>6</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	402	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	402	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	228	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	695	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	695	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	202	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	57%	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	923	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	522	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	10%	
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	425.682	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	42.95	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	79%	



6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí,	Thủ tục	1.166	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Công DVC quốc gia hoặc trên Công DVC của tỉnh.	Thủ tục	923	

